TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**
Bản án số:13/2022/DS-ST Ngày:06/04/2022 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Trương Ngọc Điệp.

2.Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hoài– Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh B1 Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐST–DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Mậu L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Đường X, khu phố B, phường T, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Huy B1, sinh năm 1970; địa chỉ liên hệ: Số 134, khu phố An Hòa, phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương là đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30/11/2020(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số C, tổ D, khu phố B, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/11/2020 nguyên đơn ông Nguyễn Mậu L và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Huy B1 trình bày:*

Ngày 15/01/2020, ông Nguyễn Mậu L và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận ông L cho bà H vay số tiền 755.000.000 đồng, việc vay mượn có hợp đồng cho cá nhân vay tiền và bà H đã ký tên, lăn dấu vân tay bên vay tiền, Hai bên thỏa thuận khi nào ông L cần hoàn trả tiền vay sẽ gọi điện thoại hoặc thông báo trực tiếp cho bà H trong thời hạn 74 giờ. Ngày 07/6/2020 bà H đã viết cam kết hẹn trong vòng 01 tháng từ 07/6/2020 đến 07/7/2020 sẽ thanh toán số tiền vay cho ông L. Tuy nhiên, đến ngày 07/7/2020 bà H vẫn không thanh toán theo đúng như thỏa thuận. Ngày 17/11/2020, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H hoàn trả số tiền gốc 755.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày vay 15/01/2020 đến ngày xét xử tạm tính là 1,67%/tháng x 755.000.000 đồng x 10 tháng = 126.085.000 đồng.

Ngày 05/4/2022, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và yêu cầu bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thanh toán cho ông L số tiền nợ gốc là 755.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi thì nguyên đơn chỉ yêu cầu bà H thanh toán lãi từ ngày 07/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/4/2022 là 755.000.000 đồng x 21 tháng x 1,67%/tháng = 264.778.500 đồng. Tổng cộng số tiền bà H phải trả cho ông L là 1.019.778.500đ (Một tỷ không trăm mười chín triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng).

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H xác định ngày 15/01/2020, bà H và ông L có ký vào hợp đồng cho cá nhân vay tiền để xác định số tiền gốc lãi còn nợ của ông L là 755.000.000 đồng. Sau đó, bà H có hẹn đến ngày 07/7/2020 sẽ trả nợ cho ông L nhưng ông L thường xuyên cho người đến làm phiền việc kinh doanh của bà H, nên bà H không có khả năng thanh toán nợ cho ông L. Hiện nay, ông L yêu cầu khởi kiện buộc bà H thanh toán số tiền gốc 755.000.000 đồng và tiền lãi là 126.085.000 đồng thì bà H đồng ý thanh toán cho ông L số tiền nợ gốc là 755.000.000 đồng. Về tiền lãi thì hiện nay bà H không có khả năng kinh doanh, còn thiếu nợ rất nhiều người và ngân hàng nên bà H đề nghị ông L tạo điều kiện cho bà H không thanh toán tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc 755.000.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi, chỉ chấp nhận mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là "Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất thì được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 tại thời điểm trả nợ" với số tiền lãi là 0,83%/tháng x 150% x 755.000.000 đồng x 20 tháng 29 ngày = 196.289.933 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Mậu L phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Nguyễn Thị H có địa chỉ cư trú tại số 22 tổ 42, khu phố 8, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh B1 Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Mậu L và bà Nguyễn Thị H theo hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 15/01/2020 đối với số tiền 755.000.000 đồng.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị H tại địa chỉ cư trú số 22 tổ 42, khu phố 8, phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh B1 Dương theo quy định. Tuy nhiên, bà H đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày lý do vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Huy B1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B1, bà H.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Mậu L khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu trả 755.000.000 đồng tiền nợ vay. Bị đơn bà Nguyễn Thị H thống nhất còn nợ ông L số tiền trên nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H thống nhất còn nợ ông L nhưng không trả nợ cho ông L đúng hạn theo cam kết vào ngày 07/7/2020 là vi phạm nghĩa vụ của người vay. Đối chiếu quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay khi đến hạn, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mậu L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền nợ gốc 775.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

[3] Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả, nguyên đơn ông Nguyễn Mậu L không yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị H thanh toán số tiền lãi suất vay trong hạn từ ngày vay 15/01/2020 đến ngày thanh toán 07/7/2020 là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 07/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 06/4/2022 với mức lãi suất 1,67% (không quá 20%/năm) = 264.778.500 đồng. Nhận thấy, theo nội dung thỏa thuận giữa hai bên tại hợp đồng cho cá nhân vay tiền thể hiện "mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên dựa trên quy định của hệ thống pháp luật Việt Nam tại thời điểm cho vay". Theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự "Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất thì được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 tại thời điểm trả nợ". Do đó, Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ chấp nhận mức lãi suất 0,83%/tháng x 150% (tương đương 1,24%/tháng) x 755.000.000 đồng x 20 tháng 29 ngày = 196.289.933đ (Một trăm chín mươi sáu triệu hai trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Tổng cộng số tiền gốc, lãi bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Mậu L là 951.289.933đ (Chín trăm năm mươi mốt triệu hai trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Do yêu cầu tính lãi của nguyên đơn không được chấp nhận với số tiền tính vượt quy định là 68.488.567đ nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 3.424.428 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Mậu L phải chịu án phí là 3.424.428 đồng đối với số tiền lãi không được chấp nhận. Bị đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật của số tiền 951.289.933 đồng tương đương án phí là 40.748.698 đ (Bốn mươi triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 166, Điều 429, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Điều 180, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Mậu L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm hoàn trả cho ông Nguyễn Mậu L số tiền 951.289.933đ (Chín trăm năm mươi mốt triệu hai trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi ba đồng), trong đó tiền gốc là 755.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng), tiền lãi là 196.289.933đ (Một trăm chín mươi sáu triệu hai trăm tám mươi chín nghìn chín trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền án phí là 40.748.698 đ (Bốn mươi triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm chín mươi tám nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Mậu L phải chịu số tiền án phí là 3.424.428đ (Ba triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi đồng) được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh B1 Dương hoàn trả cho ông Nguyễn Mậu L số tiền 15.791.572đ (Mười lăm triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn năm trăm bảy mươi hai đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm còn lại theo biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0043800 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh B1 Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B1 Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Phương